

**THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ**  
**Quyền sử dụng đất các lô đất ở tại 5 MBQH dân cư trên địa bàn xã Quảng Bình,**  
**tỉnh Thanh Hóa**

**1. Tên, địa chỉ của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:** Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn; Địa chỉ: 111A Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, TP. Hồ Chí Minh.

**2. Người có tài sản đấu giá:** Trung tâm cung ứng Dịch Vụ Công - Ủy ban nhân dân xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ: Thôn Hiền Tây, xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

**3. Thông tin tài sản đấu giá:** Quyền sử dụng đất các lô đất ở tại 5 MBQH dân cư trên địa bàn xã Quảng Bình.

**3.1 Vị trí khu đất:** Các lô đất ở đề nghị đưa ra đấu giá tại 5 MBQH dân cư trên địa bàn xã Quảng Bình gồm:

(1) 4 lô đất ở nông thôn tại MBQH số 41UB/TN-MT ngày 28/5/2018 tại thôn Hiền Tây xã Quảng Bình;

(2) 5 lô đất ở nông thôn tại MBQH kèm theo Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 khu dân cư thôn 14 nay là thôn Lịch Giang;

(3) 16 lô đất ở nông thôn tại MBQH kèm theo Quyết định số 5420/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 khu dân cư thôn 15 nay là thôn Lịch Giang;

(4) 2 lô đất ở nông thôn tại MBQH kèm Quyết định số 5641/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 khu dân cư Triều Công;

(5) 42 lô đất ở nông thôn tại MBQH kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 khu dân cư thôn 5 nay là thôn Điền Nam.

**3.2 Diện tích:** Tổng diện tích đấu giá (69 lô): **9.180 m<sup>2</sup>**.

**3.3 Hiện trạng khu đất:** Các lô đất đấu giá đã được bồi thường GPMB và đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật theo MBQH được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**3.4 Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất:**

a) Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn;

b) Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

c) Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

**3.5. Ký hiệu tên lô đất, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ.** Tổng diện tích đưa ra đấu giá **9.180 m<sup>2</sup>** gồm 69 lô đất, tổng giá khởi điểm: **65.585.523.760 đồng** (Sáu mươi lăm tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng), cụ thể như sau:

| STT                                     | Ký hiệu lô đất | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/01m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm của lô đất (đồng/lô) | Tiền đặt trước (đồng/lô) | Tiền mua hồ sơ (đồng) |
|-----------------------------------------|----------------|-----------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>I. MB 41 UB/TN-MT ngày 28/5/2018</b> |                |                             |                                        |                                    |                          |                       |
| 1                                       | 33             | 125                         | 7.000.000                              | 875.000.000                        | 437.500.000              | 100.000               |
| 2                                       | 34             | 125                         | 7.000.000                              | 875.000.000                        | 437.500.000              | 100.000               |

|                                                          |        |       |            |               |               |         |
|----------------------------------------------------------|--------|-------|------------|---------------|---------------|---------|
| 3                                                        | 35     | 125   | 7.000.000  | 875.000.000   | 437.500.000   | 100.000 |
| 4                                                        | 36     | 125   | 7.000.000  | 875.000.000   | 437.500.000   | 100.000 |
| <b>II. MBQH THÔN 14 (5643/QĐ-UBND ngày 14/10/2020)</b>   |        |       |            |               |               |         |
| 5                                                        | LKA:18 | 110   | 9.295.200  | 1.022.472.000 | 511.236.000   | 200.000 |
| 6                                                        | LKB:27 | 110   | 9.295.200  | 1.022.472.000 | 511.236.000   | 200.000 |
| 7                                                        | BT:04  | 295,5 | 11.154.240 | 3.296.077.920 | 1.648.038.960 | 200.000 |
| 8                                                        | BT:05  | 295,5 | 11.154.240 | 3.296.077.920 | 1.648.038.960 | 200.000 |
| 9                                                        | BT:14  | 295,5 | 11.154.240 | 3.296.077.920 | 1.648.038.960 | 200.000 |
| <b>III. MBQH THÔN 15 (5420/QĐ-UBND ngày 06/10/2020)</b>  |        |       |            |               |               |         |
| 10                                                       | LKA:09 | 124,5 | 6.000.000  | 747.000.000   | 373.500.000   | 100.000 |
| 11                                                       | LKA:10 | 118   | 6.000.000  | 708.000.000   | 354.000.000   | 100.000 |
| 12                                                       | LKB:14 | 120   | 6.000.000  | 720.000.000   | 360.000.000   | 100.000 |
| 13                                                       | LKB:15 | 120   | 6.000.000  | 720.000.000   | 360.000.000   | 100.000 |
| 14                                                       | LKB:16 | 120   | 6.000.000  | 720.000.000   | 360.000.000   | 100.000 |
| 15                                                       | LKB:21 | 120   | 5.500.000  | 660.000.000   | 330.000.000   | 100.000 |
| 16                                                       | LKB:22 | 120   | 5.500.000  | 660.000.000   | 330.000.000   | 100.000 |
| 17                                                       | LKB:25 | 120   | 5.500.000  | 660.000.000   | 330.000.000   | 100.000 |
| 18                                                       | LKB:27 | 120   | 5.500.000  | 660.000.000   | 330.000.000   | 100.000 |
| 19                                                       | LKC:02 | 118,5 | 5.500.000  | 651.750.000   | 325.875.000   | 100.000 |
| 20                                                       | LKC:03 | 123   | 5.500.000  | 676.500.000   | 338.250.000   | 100.000 |
| 21                                                       | LKC:05 | 125   | 5.500.000  | 687.500.000   | 343.750.000   | 100.000 |
| 22                                                       | LKC:06 | 125   | 5.500.000  | 687.500.000   | 343.750.000   | 100.000 |
| 23                                                       | LKC:07 | 125   | 5.500.000  | 687.500.000   | 343.750.000   | 100.000 |
| 24                                                       | LKC:08 | 125   | 6.050.000  | 756.250.000   | 378.125.000   | 100.000 |
| 25                                                       | LKC:10 | 125   | 5.500.000  | 687.500.000   | 343.750.000   | 100.000 |
| <b>IV. MBQH TRIỀU CÔNG (5641/QĐ-UBND ngày 26/6/2020)</b> |        |       |            |               |               |         |
| 26                                                       | LKA-29 | 110   | 7.480.800  | 822.888.000   | 411.444.000   | 100.000 |
| 27                                                       | LKB-03 | 110   | 8.519.800  | 937.178.000   | 468.589.000   | 100.000 |
| <b>V. MBQH THÔN 5 (1723/QĐ-UBND ngày 18/4/2023)</b>      |        |       |            |               |               |         |
| 28                                                       | LK1:19 | 120   | 6.800.000  | 816.000.000   | 408.000.000   | 100.000 |
| 29                                                       | LK1:20 | 120   | 6.800.000  | 816.000.000   | 408.000.000   | 100.000 |
| 30                                                       | LK1:21 | 120   | 6.800.000  | 816.000.000   | 408.000.000   | 100.000 |
| 31                                                       | LK1:22 | 120   | 6.800.000  | 816.000.000   | 408.000.000   | 100.000 |
| 32                                                       | LK1:23 | 120   | 6.800.000  | 816.000.000   | 408.000.000   | 100.000 |
| 33                                                       | LK1:24 | 120   | 7.480.000  | 897.600.000   | 448.800.000   | 100.000 |
| 34                                                       | LK1:25 | 120   | 7.480.000  | 897.600.000   | 448.800.000   | 100.000 |

|                   |        |              |           |                       |                       |         |
|-------------------|--------|--------------|-----------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 35                | LK1:26 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 36                | LK1:27 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 37                | LK1:28 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 38                | LK2:01 | 107,4        | 6.800.000 | 730.320.000           | 365.160.000           | 100.000 |
| 39                | LK2:02 | 120,1        | 6.800.000 | 816.680.000           | 408.340.000           | 100.000 |
| 40                | LK2:03 | 122,2        | 6.800.000 | 830.960.000           | 415.480.000           | 100.000 |
| 41                | LK2:04 | 124          | 6.800.000 | 843.200.000           | 421.600.000           | 100.000 |
| 42                | LK2:07 | 95,5         | 8.160.000 | 779.280.000           | 389.640.000           | 100.000 |
| 43                | LK2:08 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 44                | LK2:09 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 45                | LK2:10 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 46                | LK2:11 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 47                | LK2:12 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 48                | LK2:13 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 49                | LK2:14 | 115,5        | 8.160.000 | 942.480.000           | 471.240.000           | 100.000 |
| 50                | LK2:15 | 180          | 6.500.000 | 1.170.000.000         | 585.000.000           | 200.000 |
| 51                | LK2:16 | 180          | 6.500.000 | 1.170.000.000         | 585.000.000           | 200.000 |
| 52                | LK2:17 | 213,3        | 6.500.000 | 1.386.450.000         | 693.225.000           | 200.000 |
| 53                | LK2:18 | 172,5        | 6.300.000 | 1.086.750.000         | 543.375.000           | 200.000 |
| 54                | LK2:19 | 172,5        | 6.300.000 | 1.086.750.000         | 543.375.000           | 200.000 |
| 55                | LK2:20 | 170,5        | 6.300.000 | 1.074.150.000         | 537.075.000           | 200.000 |
| 56                | LK3:15 | 135,5        | 8.160.000 | 1.105.680.000         | 552.840.000           | 200.000 |
| 57                | LK3:16 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 58                | LK3:17 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 59                | LK3:18 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 60                | LK3:19 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 61                | LK3:20 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 62                | LK3:21 | 120          | 7.480.000 | 897.600.000           | 448.800.000           | 100.000 |
| 63                | LK3:22 | 120          | 7.480.000 | 897.600.000           | 448.800.000           | 100.000 |
| 64                | LK3:23 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 65                | LK3:24 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 66                | LK3:25 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 67                | LK3:26 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 68                | LK3:27 | 120          | 6.800.000 | 816.000.000           | 408.000.000           | 100.000 |
| 69                | LK3:28 | 135,5        | 8.160.000 | 1.105.680.000         | 552.840.000           | 200.000 |
| <b>Tổng 69 lô</b> |        | <b>9.180</b> |           | <b>65.585.523.760</b> | <b>32.792.761.880</b> |         |

D: 792  
 CỘ  
 ĐẦU GIẢ  
 LAM S  
 SƠN NH

#### **4. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:**

**1. Người được đăng ký tham gia đấu giá:** Là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, có đủ điều kiện tham gia theo quy định tại Khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024 và có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Người đăng ký tham gia đấu giá không thuộc các trường hợp người không được đăng ký tham gia đấu giá, không được tham dự phiên đấu giá, không bị cấm tham gia đấu giá theo quy định pháp luật.

Không tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho các tổ chức ở các lô đất này.

#### **2. Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá:**

a) Bảo đảm các điều kiện tham gia theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH 14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ;

b) Trong cùng 01 (một) lô đất đấu giá, vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột không tham gia đấu giá với lô đất đó;

c) Có phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn ban hành và có cam kết sử dụng đất trúng đấu giá đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng thời gian;

d) Phải nộp đầy đủ và đúng thời hạn hồ sơ và tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá do Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn ban hành;

đ) Nộp đầy đủ và đúng thời hạn tiền đặt trước theo thông báo của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn;

e) Khi tham gia phiên đấu giá phải có Thẻ căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu (bản chính);

g) Đối với trường hợp người tham gia đấu giá không thể trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, không thể trực tiếp tham dự phiên đấu giá thì có thể ủy quyền, việc ủy quyền phải theo quy định của pháp luật;

h) Người ủy quyền và người được ủy quyền không được đăng ký tham gia đấu giá cùng 01 lô đất; Người được ủy quyền không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản;

i) Nghiêm cấm hành vi nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nghiêm cấm hành vi nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản;

k) Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản, sửa đổi bổ sung năm 2024;

l) Không thuộc các trường hợp người bị cấm tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị Quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ.

**3. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:** Cá nhân thuộc đối tượng đủ điều kiện theo quy định pháp luật được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc mua hồ sơ, nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước theo quy định.

#### 4. Các nội dung lưu ý:

a) Không yêu cầu người tham gia đấu giá ghi ký hiệu lô đất vào nội dung giấy nộp tiền/chứng từ/lệnh chuyển tiền đặt trước và chịu trách nhiệm nộp đúng;

b) **Tại thời điểm mua/nộp hồ sơ tham gia đấu giá:** Người tham gia đấu giá được nhận số lượng tờ phiếu trả giá tương ứng với số tiền đã mua hồ sơ tham gia đấu giá, nhưng tại thời điểm nộp tiền đặt trước, nếu thay đổi nhu cầu đấu giá dẫn đến giảm số lô đất so với số lượng tờ Phiếu trả giá đã được nhận, người tham gia đấu giá phải chủ động loại bỏ số lượng tờ phiếu trả giá tương ứng với số lô đất không còn nhu cầu đấu giá. Nếu người tham gia đấu giá đăng ký số lượng tờ Phiếu trả giá nhiều hơn số lô đất đã nộp tiền đặt trước hoặc nếu tổng số tiền đặt trước đã nộp ít hơn so với tổng số tiền đặt trước ghi trên Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, thì Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn sẽ xét điều kiện tham gia phiên đấu giá theo nguyên tắc:

**Đầu tiên:** Áp dụng đăng ký lô đất có số tiền đặt trước có giá trị từ cao xuống thấp. Sau đó, nếu các lô đất có mức tiền đặt trước bằng nhau, thì sẽ xét mức tiền đặt trước đối với lô đất có số thứ tự nhỏ hơn theo số thứ tự đã quy định trên danh mục các lô đất đấu giá tại khoản 1 Điều 2 Quy chế cuộc đấu giá này.

c) **Ví dụ:** Đăng ký tham gia đấu giá 03 lô đất, người tham gia đấu giá được nhận 03 tờ phiếu trả giá và 01 phong bì đựng phiếu trả giá, các lô đất có số tiền đặt trước là: 437.500.000 đồng; 437.500.000 đồng và 511.236.000 đồng. Tổng số tiền đặt trước của 03 lô đất phải nộp là: **1.386.236.000 đồng**;

Nay, người đăng ký tham gia đấu giá sử dụng cả 03 tờ Phiếu trả giá đã được nhận để ghi giá trả và bỏ phiếu vào thùng phiếu cho các lô đất có ký hiệu: **33; 34 và LKA:18** -> khi kiểm đếm phiếu, xét phiếu trả giá và công bố giá, đấu giá viên thực hiện như sau:

c1) **Trường hợp 1:** Người tham đấu giá chỉ nộp tiền đặt trước cho **02** lô đất là: **870.000.000 đồng**. Việc xét phiếu trả giá và công bố giá cho lô đất có ký hiệu: **Lô đất LKA:18 (Lô đất 33 và lô đất 34 không được lựa chọn xét phiếu và công bố giá do nộp thiếu tiền)**;

c2) **Trường hợp 2:** Người tham đấu giá chỉ nộp tiền đặt trước cho **02** lô đất là: **948.736.000 đồng**. Việc xét phiếu trả giá và công bố giá cho lô đất có ký hiệu: **33 và LKA:18 (Lô đất 34 không được lựa chọn xét phiếu và công bố giá do nộp thiếu tiền)**;

c3) **Trường hợp 3:** Người tham đấu giá nộp cho **03** lô đất nhưng chỉ nộp tiền đặt trước: **1.386.000.000 đồng**. Việc xét phiếu trả giá và công bố giá cho lô đất có ký hiệu: **33 và LKA:18 (Lô đất 34 không được lựa chọn xét phiếu và công bố giá do nộp thiếu tiền)**;

d) Người tham gia đấu giá xác định số lượng lô đất và nộp đúng/đủ các khoản tiền tương ứng số lượng lô đất có nhu cầu đấu giá.

**5. Nguyên tắc đấu giá:** Đấu giá theo nguyên tắc độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan. Lô đất đủ điều kiện tổ chức đấu giá khi có từ 02 khách hàng đăng ký.

#### 6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá theo hình thức bỏ phiếu gián tiếp **01** (một) vòng duy nhất. Đấu giá theo giá trị **01m<sup>2</sup>** (một mét vuông) đất để tính giá trị quyền sử dụng đất.

a) Khách hàng có mức trả giá cao nhất theo giá trị của từng lô đất và hợp lệ là người trúng đấu giá của lô đất đó và được công bố công khai tại buổi công bố giá;

3701005

NG TY  
HỢP DAN  
V SÀI GÒN

P HỒ CH

b) Lô đất đủ điều kiện công bố giá trúng là lô đất có ít nhất hai phiếu trả giá bằng hoặc cao hơn giá khởi điểm.

6.2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

6.3. Bước giá để tổ chức vòng đấu giá kế tiếp: Trường hợp lô đất tổ chức đấu giá có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người yêu cầu đấu giá tiếp). Bước giá cho mỗi vòng đấu giá kế tiếp có mức chênh lệch là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu giá liền kề trước đó. Không hạn chế số vòng trả giá trong trường hợp này.

## 7. Thời gian tổ chức:

7.1. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Liên tục trong 03 ngày làm việc, từ ngày 05/10/2026 đến ngày 07/10/2026; Địa điểm: Khu đất đấu giá bao gồm 69 lô đất tại tại 5 MBQH dân cư trên địa bàn xã Quảng Bình;

*Người tham gia đấu giá tự tìm hiểu thực địa khu đất đấu giá và tham khảo hồ sơ, quy chế cuộc đấu giá, bản vẽ MBQH khu đất đấu giá được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn; Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn Chi nhánh Thanh Hóa; UBND xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.*

7.2. Thời gian, địa điểm tham khảo, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

a) Tại Trung tâm cung ứng Dịch Vụ Công - Ủy ban nhân dân xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa: Từ ngày 07h30" ngày 30/9/2026 đến 17h00" ngày 13/10/2026.

*(Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ đến 17h00" ngày 13/10/2026).*

b) Tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn; Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn chi nhánh Thanh Hóa: Từ ngày 07h30" ngày 30/9/2026 đến 17h00" ngày 14/10/2026.

*(Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ đến 17h00" ngày 14/10/2026).*

7.3. Thời gian, địa điểm nhận phiếu trả giá:

a) Tại Trung tâm cung ứng Dịch Vụ Công - Ủy ban nhân dân xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa: Từ 07h30" đến 17h00" ngày 13/10/2026.

*(Thời gian kết thúc việc nhận phiếu trả giá đến 17h00" ngày 13/10/2026).*

b) Tại Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn Chi nhánh Thanh Hóa: Từ 07h30" đến 17h00" ngày 14/10/2026.

*(Thời gian kết thúc việc nhận phiếu trả giá đến 17h00" ngày 14/10/2026).*

7.4. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07h30" ngày 30/9/2026 đến 17h00" ngày 14/10/2026. Khách hàng nộp tiền đặt trước vào tài khoản của tổ chức hành nghề đấu giá theo thông tin sau:

- ✓ Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn;
- ✓ Số tài khoản: 912333
- ✓ Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Thanh hoá (Vietbank);
- ✓ Nội dung nộp (chuyển) tiền đặt trước:
  - + [Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá]\_ CCCD\_
  - nộp tiền đặt trước (Số lượng lô đất) xã Quảng Bình;
  - + Ví dụ: "Nguyễn Văn B 038112345678 nộp tiền đặt trước 03 lô đất xã Quảng Bình".



**Lưu ý:**

✓ Số tiền đặt trước hợp lệ căn cứ vào thời gian báo có trên tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn, không căn cứ vào thời gian chuyển tiền trên giấy nộp tiền của khách hàng. Tiền đặt trước đến tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn sau 17 giờ của ngày hết hạn nộp tiền đặt trước (ngày 14/10/2026) mặc nhiên được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá;

✓ Người tham gia đấu giá không nộp đủ số tiền đặt trước của lô đất đấu giá, không đúng số tài khoản, không ghi rõ nội dung chuyển tiền theo hướng dẫn nộp tiền đặt trước đều được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá;

✓ Trong bất kỳ trường hợp nào thì tiền đặt trước cũng không tính tiền lãi, phí chuyển tiền đặt trước và nhận lại tiền đặt trước do người tham gia tham gia đấu giá chịu;

✓ Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá.

**7.5. Thời gian, địa điểm tổ chức buổi công bố giá (phiên đấu giá):**

- Vào hồi: **08 giờ 00 phút (thứ 7) ngày 17/10/2026.**

- Địa điểm: tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Mọi chi tiết khách hàng liên hệ trong giờ hành chính tại:

+ Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn: 111A Tân Sơn Nhì, P.Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn Chi nhánh Thanh Hóa: Tầng 05 Tòa nhà VCCI - số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa. ĐT: 0353.001.135.

Công ty đề nghị Văn Phòng UBND tỉnh Thanh Hóa cho đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa./.

**Nơi nhận:**

- UBND xã Quảng Bình;
- TT Cung ứng DVC xã Quảng Bình;
- Cổng TTĐT UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng TTĐTQG –BTP;
- Báo và Đài PTTH Thanh Hóa;
- Người đăng ký tham gia đấu giá;
- Các điểm niêm yết;
- Lưu Vp Cty.

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH  
LAM SƠN SÀI GÒN**

**P.Tổng Giám Đốc: Phạm Thị Thùy Dương**

